

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/KDTM-ST
Ngày: 30/11/2018
*V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm Nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST- KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 545/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên N

Địa chỉ: khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành T- sinh năm 1983

Địa chỉ: khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

Văn bản uỷ quyền ngày 02/01/2018 của Công ty TNHH một thành viên N

2/ Bị đơn: Công ty TNHH thương mại xây dựng K

Địa chỉ: khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Văn T- sinh năm 1995

Địa chỉ: khu phố C, phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 01/9/2016, Công ty TNHH một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty TNHH thương mại xây dựng K (sau đây gọi tắt là Công ty K) đã ký hợp đồng nguyên tắc số 40/2016/NAT với nội dung Công ty N bán đá xây dựng cho Công ty K. Khối lượng hàng theo thực tế. Thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hoá đơn giá trị gia tăng.

Công ty N đã bán hàng cho Công ty K theo hoá đơn giá trị gia tăng số 0000643 ngày 30/9/2016 với số tiền 601.580.000đồng và hoá đơn giá trị gia tăng số 0000660 ngày 31/10/2016 với số tiền 38.780.000đồng. Tổng giá trị hàng Công ty N đã bán cho Công ty K là 640.360.000đồng. Công ty K chỉ thanh toán được 100.000.000đồng vào ngày 13/10/2016 và ngưng không thanh toán cho đến nay.

Do Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nay Công ty N yêu cầu Công ty K thanh toán cho Công ty N số tiền gốc còn nợ là 540.360.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày Tòa án xét xử 30/11/2018 là $540.360.000\text{đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 97.264.800\text{đồng}$. Tổng cộng số tiền Công ty K phải trả cho Công ty N là 637.624.800đồng.

Ngày 29/11/2018, ông Nguyễn Thành T- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng.

Công ty K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán hàng hoá trong hoạt động kinh doanh giữa 02 tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo công văn số 01286/ĐKKD-THKT ngày 09/3/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty K có trụ sở chính tại quận T nên căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Thành T- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, Công ty K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty N về việc yêu cầu Công ty K trả số tiền mua hàng còn nợ 540.360.000đồng:

Bị đơn Công ty K đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số 40/2016/NAT ngày 01/9/2016 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 01/9/2016 Công ty N đã ký hợp đồng trên để bán đá xây dựng cho Công ty K. Khối lượng hàng theo thực tế. Phương thức thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hoá đơn giá trị gia tăng.

Căn cứ hoá đơn giá trị gia tăng số 0000643 ngày 30/9/2016, hoá đơn giá trị gia tăng số 0000660 ngày 31/10/2016 và sao kê tài khoản thanh toán của Công ty N tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh N có căn cứ xác định tổng giá trị hàng hoá Công ty N đã bán cho Công ty K là 640.360.000đồng và số tiền công ty K đã thanh toán cho Công ty N là 100.000.000đồng. Số tiền còn lại 540.360.000đồng ngưng không thanh toán cho đến nay.

Công ty N yêu cầu Công ty K thanh toán tiền mua hàng đối với những giao dịch phát sinh từ ngày 30/9/2016 đến ngày 31/10/2016. Xét thoả thuận của các bên tại hợp đồng nguyên tắc số 40/2016/NAT ngày 01/9/2016 về phương thức thanh toán như sau: Thời hạn thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hoá đơn giá trị gia tăng. Như vậy, thời hạn cuối để Công ty K thanh toán công nợ với Công ty N là ngày 10/11/2016. Đến nay Công ty K chưa thanh toán cho Công ty N là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty N về việc yêu cầu Công ty K trả số tiền 540.360.000đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty N về việc yêu cầu Công ty K trả số tiền lãi 97.264.800đồng:

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Do đó, Công ty N yêu cầu Công ty K trả tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ công văn số 4142/NoTĐ-TD ngày 08/10/2018 của Ngân hàng N- chi nhánh T thì lãi suất cho vay hoạt động sản xuất kinh doanh trung dài hạn khác là 10,0-12,0%/năm, công văn số 1800/2018/CV-CNTĐ ngày 10/10/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần S- Chi nhánh T cung cấp mức lãi suất cho vay trung dài hạn là 11,0- 11,2%/năm, công văn số 1269/TB-CNĐSG-KHDN VVN ngày 08/10/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần C- Chi nhánh Đ thì mức lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh trung dài hạn thông thường là 10,5%/năm. Như vậy, mức lãi suất cho vay trung bình là 10,86%/năm, mức lãi suất quá hạn trung bình là 16,29%/năm, tương đương 1,36%/tháng. Công ty N yêu cầu Công ty K trả tiền lãi của số tiền chậm thanh toán với mức lãi suất 0,75%/tháng, thấp hơn mức lãi suất 1,36%/tháng theo quy định của pháp luật là phù hợp và có lợi cho Công ty K nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi Công ty K phải trả từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/11/2018 như sau:

$$540.360.000\text{đồng} \times 0,75\%/tháng \times 24\text{ tháng} = 97.264.800\text{đồng}.$$

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi Công ty K phải trả cho Công ty N là 540.360.000đồng + 97.264.800đồng = 637.624.800đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Công ty N được chấp nhận nên Công ty K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000đồng + 9.504.992đồng (4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000đồng) = 29.504.992đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc Công ty TNHH thương mại xây dựng K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên N số tiền còn nợ tính đến ngày 30/11/2018 của hợp đồng nguyên tắc số 40/2016/NAT ngày 01/9/2016 với số tiền gốc là 540.360.000 (năm trăm bốn mươi triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng và tiền lãi là 97.264.800 (chín mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn tám trăm) đồng. Tổng cộng số tiền Công ty TNHH thương mại xây dựng K phải thanh toán là 637.624.800 (sáu trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm) đồng.

Trong trường hợp Công ty TNHH thương mại xây dựng K vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH thương mại xây dựng K còn phải chịu thêm tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán.

2/ Về án phí:

Công ty TNHH thương mại xây dựng K phải nộp 29.504.992 (hai mươi chín triệu năm trăm lẻ bốn ngàn chín trăm chín mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH một thành viên N số tiền tạm ứng án phí 14.023.000 (mười bốn triệu không trăm hai mươi ba ngàn) đồng, Công ty TNHH một thành viên N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0038149 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thủ Đức.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lệ Thủy

